TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến
Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXX-ST ngày 10/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T, sinh ngày 23/8/1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản C, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị H, sinh ngày 08/9/1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản C, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Anh T, chị H ủy quyền cho anh Dương Quốc H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Bản N, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu, nộp tạm ứng án phí với Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị H được tự do tìm hiểu khi cùng lao động tại Đài Loan rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn 12/10/2018 Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Sau kết hôn anh tiếp tục quay lại Đài Loan lao

động. Chị H ở nhà sinh con và chăm sóc con đến năm 2021 chị H sang Đài Loan làm việc. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên không còn liên lạc với nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 5/2023 đến nay anh và chị H không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh về nước sinh sống, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Đặng Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Vũ Hồng L, sinh ngày 29/3/2019. Cháu L hiện đang sinh sống cùng anh nên sau khi ly hôn anh đề nghị giao cháu L cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai chị Đặng Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng, nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn của vợ chồng chị trình bày như anh T. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: chị, anh T có 01 con chung là cháu Vũ Hồng L, sinh ngày 29/3/2019, hiện nay cháu L đang sinh sống cùng anh T. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu L cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T, chị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị

quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T; xử:

Về hôn nhân: anh Vũ Văn T được ly hôn chị Đặng Thị H.

Về con chung: Giao cháu Vũ Hồng L cho anh Vũ Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do anh T, chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Trần Văn Toản phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của bản tự khai do chị H gửi từ nước ngoài đến Tòa án: Tại kết luận giám định số 614/KL-KTHS ngày 09/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang xác định: Dấu vân tay màu đỏ in tại mục "Ngón trỏ trái" trên cá tài liệu cần giám định (ký hiệu A1,A2) so với dấu vân tay ở ô "Trỏ trái" trên bản sao Chỉ bản số 122458696, mang tên Đặng Thị H, sinh ngày 08/9/1996 do Phòng do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH – Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp ký hiệu (M) là của cùng một người.

Dấu vân tay màu đỏ in tại mục "Ngón trỏ phải" trên cá tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với dấu vân tay ở ô "Trỏ phải" trên bản sao Chỉ bản số 122458696, mang tên Đặng Thị H, sinh ngày 08/9/1996 do Phòng do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH – Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp ký hiệu (M) là của cùng một người.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: anh T khởi kiện xin ly hôn chị H và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại công văn số 3595/QLXNC-P3 ngày 26/02/2025 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định chị Đặng Thị H đã xuất nhập cảnh Việt Nam 03 lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 07/12/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do đó, chị H được xác đinh đang ở nước ngoài tại thời điểm thụ lý vụ án. Mặt khác, chị H là bị đơn có nơi cư trú là tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[5]. Về hôn nhân: anh Vũ Văn T và chị Đặng Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Đặng Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy: anh T, chị H đều xác định vợ chồng được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn. Sau kết hôn chị H về nhà anh T làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận sau đó anh, chị đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên từ tháng 5/2023 sống ly thân nhau từ đó, không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù anh, chị đã chủ động nói chuyện và được hai bên gia đình hàn gắn tình cảm nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định anh T, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị H là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[6]. Về nuôi con chung: anh T, chị H có 01 con chung là cháu Vũ Hồng L, sinh ngày 29/3/2019. Hiện nay cháu L đang sinh sống cùng anh T. Sau ly hôn anh T, chị H đều đề nghị giao cháu L cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao con chung của anh T, chị H, Hội đồng xét xử thấy: cháu L từ lúc sinh ra cho đến nay vẫn đang sinh sống ổn định cùng anh T, cháu phát triển ổn định về cả thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, chị H hiện đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Tại bản tự khai anh T, chị H đều thống nhất sau ly hôn giao anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L nên cần chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Đặng Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp chị Đặng Thị H có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do anh T, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo: Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị H đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

1. Về hôn nhân: anh Vũ Văn T được ly hôn chị Đặng Thị H.

2. Về con chung: giao cháu Vũ Hồng L, sinh ngày 29/3/2019 cho anh Vũ Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Đặng Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000355 ngày 10/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Vũ Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Đặng Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Lương